



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH**  
**XÉT TỐT NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-ĐNT ngày 12./9./2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)*

**I. Số hiệu quy trình: QT01/ĐNT-ĐTĐH**

**II. Lưu đồ quy trình**

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện | Quy trình                                                                                                                                                | Thời hạn                          | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu - nếu có |
|------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1    | Phòng Đào tạo Đại học                    | Tham mưu quyết định thành lập HĐ xét và công nhận tốt nghiệp, thông báo xét tốt nghiệp                                                                   | Tháng 1, 3, 7 hàng năm            |                                                   |
| 2    | Phòng Đào tạo Đại học                    | Nhận đơn xét TN                                                                                                                                          | Trong 4 tuần kể từ ngày thông báo | Đơn đề nghị xét và công nhận tốt nghiệp           |
| 2    | Phòng Đào tạo Đại học                    | - Xử lý điểm toàn khóa theo tiêu chuẩn CTĐT xét theo ngành. Danh sách dự kiến TN đối với SV đúng hạn<br>- Xác minh chứng chỉ ngoại ngữ, tin học (nếu có) | Tuần thứ 5                        |                                                   |
| 3    | Phòng Đào tạo Đại học, các khoa          | Xét, lập danh sách SV dự kiến đủ điều kiện tốt nghiệp                                                                                                    |                                   | BM01.QT01/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 4    | Hội đồng tốt nghiệp                      | Họp xét TN                                                                                                                                               | Tuần thứ 6                        | BM02.QT01/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 5    | Phòng Đào tạo Đại học                    | Tham mưu làm quyết định công nhận tốt nghiệp                                                                                                             | Sau ngày HĐ xét và công nhận TN   | BM03.QT01/ĐNT-ĐTĐH                                |

### III. Diễn giải

#### 1. Bước 1 :

Trường Phòng Đào tạo Đại học:

- Phân công chuyên viên (CV) Phòng Đào tạo Đại học (P.ĐTĐH) thư ký làm QĐ thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp.
- Tham mưu BGH về danh sách này.
- Hiệu trưởng / Phó Hiệu trưởng ký quyết định.

#### 2. Bước 2:

- CV phụ trách điểm thi cộng điểm toàn khóa.
- CV phụ trách CTĐT xét tốt nghiệp theo tiêu chuẩn CTĐT ngành trong hệ thống PSC
- CV phụ trách CTĐT xét và lập danh sách SV đạt và không đạt TN theo tiêu chuẩn ngành đào tạo.
- Nhận đơn xét TN của SV trễ hạn, chuyển cho Trợ lý Khoa
- Trợ lý Khoa xét từng SV bằng cách đối chiếu kết quả học tập với tiêu chuẩn ngành tương ứng. Chuyển kết quả xét cho CV P.ĐTĐH và chịu trách nhiệm về kết quả xét

#### 3. Bước 3:

- Trợ lý Khoa kiểm tra danh sách SV đúng hạn đạt và không đạt TN do CV P.ĐTĐH phụ trách CTĐT lập.
- CV P.ĐTĐH phụ trách CTĐT tập hợp danh sách trễ hạn và danh sách đúng hạn thành danh sách dự kiến đủ điều kiện TN.
- CV P.ĐTĐH công bố danh sách dự kiến tại website huflit.edu.vn và gửi cho Phòng Kế hoạch – Tài chính, Thư viện để kiểm tra học phí và sách (sau khi xin ý kiến TP.ĐTĐH)
- SV kiểm tra danh sách, khiếu nại về danh sách cho Khoa, P.ĐTĐH.
- Trợ lý Khoa tiếp nhận khiếu nại của SV, cùng CV P.ĐTĐH xử lý và cập nhật danh sách dự kiến TN

#### 4. Bước 4:

- Ban thư ký trình HĐ: Danh sách đủ điều kiện, chưa đủ điều kiện; biên bản xét điều kiện TN giữa Khoa và P.ĐTĐH; danh sách có xác nhận của P. QT CSVN và Thư viện về học phí và sách.
- Thư ký lập biên bản họp HĐ xét và công nhận TN.

#### 5. Bước 5:

- CV thư ký P.ĐTĐH làm quyết định công nhận tốt nghiệp, kèm danh sách SV TN.
- CV P.ĐTĐH công bố danh sách SV TN lên website Huflit



## IV. Lưu trữ hồ sơ

| Tên hồ sơ/văn bản                                                 | Thời hạn lưu trữ | Đơn vị lưu trữ |
|-------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| Quyết định thành lập Hội đồng xét và công nhận, các Ban giúp việc | Lâu dài (20 năm) | Phòng ĐTDH     |
| Biên bản xét điều kiện tốt nghiệp – P.ĐTDH và Khoa                | Lâu dài (20 năm) | Phòng ĐTDH     |
| Biên bản xét và công nhận tốt nghiệp – Hội đồng trường            | Lâu dài (20 năm) | Phòng ĐTDH     |
| Quyết định công nhận tốt nghiệp                                   | Lâu dài (20 năm) | Phòng ĐTDH     |
| Danh sách tốt nghiệp                                              | Lâu dài (20 năm) | Phòng ĐTDH     |

**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



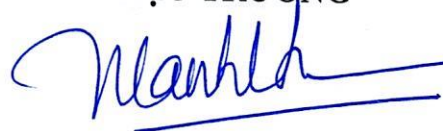
**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**



**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Mạnh Hà**





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

**Kính gửi:**       - Ban Giám hiệu trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh  
                      - Phòng Đào tạo Đại học

Tôi tên: .....MSSV: .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú (ghi rõ): .....

Khóa học: .....Ngành học: .....

Khoa: .....Điện thoại liên hệ: .....

Số tín chỉ tích lũy toàn khóa học:.....

Điểm trung bình tích lũy ở toàn khóa học: .....

Nay tôi đã hội đủ điều kiện tốt nghiệp (chọn 1 trong các hệ, bậc đào tạo sau):

- ☐ Đại học chính quy
- ☐ Cao đẳng chính quy
- ☐ Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy
- ☐ Đại học văn bằng 2 chính quy
- ☐ Đại học văn bằng 2 hệ VLVH

do trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh qui định, trân trọng đề nghị Ban Giám hiệu xét cho tôi được tốt nghiệp đợt này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm 20..

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Số:

**BIÊN BẢN**  
**Về việc xét điều kiện tốt nghiệp bậc đại học, cao đẳng**  
**Đợt tháng ... năm 20...**

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm ....., vào lúc ..... giờ....., tại phòng Đào tạo đại học, chúng tôi gồm có:

1. Phòng Đào tạo đại học:

-  
-

2. Khoa .....

-Ông/Bà ....., trưởng khoa

-Ông/Bà .....,

cùng nhau tiến hành xét danh sách tốt nghiệp cho sinh viên, kết quả cụ thể như sau:

**I. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp:**

Ngành....., chuyên ngành.....: Số tín chỉ toàn khóa:.....

| STT | MSSV | Họ tên | Số tín chỉ đạt | Điểm TBCTL | Ghi chú |
|-----|------|--------|----------------|------------|---------|
|     |      |        |                |            |         |
|     |      |        |                |            |         |
|     |      |        |                |            |         |

Ngành....., chuyên ngành.....: Số tín chỉ toàn khóa:.....

| STT | MSSV | Họ tên | Số tín chỉ đạt | Điểm TBCTL | Ghi chú |
|-----|------|--------|----------------|------------|---------|
|     |      |        |                |            |         |
|     |      |        |                |            |         |
|     |      |        |                |            |         |

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng có bảng điểm không đúng như trong CTĐT:

Ngành....., chuyên ngành.....: Số tín chỉ toàn khóa:.....

| STT | MSSV | Họ tên | Số tín chỉ đạt | Điểm TBCTL | Diễn giải |
|-----|------|--------|----------------|------------|-----------|
| 1   |      |        |                |            |           |
|     |      |        |                |            |           |
|     |      |        |                |            |           |

Ngành....., chuyên ngành.....: Số tín chỉ toàn khóa:.....

| STT | MSSV | Họ tên | Số tín chỉ đạt | Điểm TBCTL | Diễn giải |
|-----|------|--------|----------------|------------|-----------|
|     |      |        |                |            |           |
|     |      |        |                |            |           |
|     |      |        |                |            |           |

| KHOA      | Ngành/Chuyên ngành | Số lượng  |           |           |           |
|-----------|--------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|           |                    | Khóa 2008 | Khóa 2009 | Khóa 2010 | Tổng cộng |
|           |                    |           |           |           |           |
|           |                    |           |           |           |           |
|           |                    |           |           |           |           |
| Tổng cộng |                    |           |           |           |           |

## II. Sinh viên KHÔNG đủ điều kiện tốt nghiệp:

| STT | MSSV | Họ Tên | Ngành/Chuyên ngành | Số TCTL/Số TC trong CTĐT | Lý do không đủ điều kiện TN |
|-----|------|--------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|
|     |      |        |                    |                          |                             |
|     |      |        |                    |                          |                             |
|     |      |        |                    |                          |                             |



## III. Những trường hợp cần xin ý kiến Hội đồng:

| Stt | MSSV | Họ Tên | Ngành/Chuyên ngành | Số TCTL/Số TC trong CTĐT | Lý do không đủ điều kiện tốt nghiệp | Đề xuất của Khoa | Đề xuất của phòng ĐT |
|-----|------|--------|--------------------|--------------------------|-------------------------------------|------------------|----------------------|
|     |      |        |                    |                          |                                     |                  |                      |
|     |      |        |                    |                          |                                     |                  |                      |
|     |      |        |                    |                          |                                     |                  |                      |



Trên đây là kết quả bước đầu Phòng Đào tạo đại học phối hợp với Khoa xét danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp đợt tháng.....năm.....

Kính đề nghị Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường xem xét quyết định.

**KÝ XÁC NHẬN CÁC ĐƠN VỊ**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH**

**TRƯỞNG KHOA** \_\_\_\_\_





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

### BIÊN BẢN

Họp Hội đồng xét Tốt nghiệp đợt ... năm 20..  
cho sinh viên bậc đại học, cao đẳng, văn bằng 2 VLVH

Thời gian:

Địa điểm:

Chủ trì:

Thành phần:

Thư ký:

#### Nội dung cuộc họp:

- ...
- ...
- Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là:

| BẠC/HỆ  | KHOA                           | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                                                   | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|---------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| Đại học | Ngôn ngữ & Văn hoá phương Đông | Đông phương học:<br>- Hàn Quốc<br>- Nhật Bản                         |          |         |
|         | Du lịch-Khách sạn              | - QT DV DL và lữ hành<br>- Quản trị khách sạn                        |          |         |
|         | Công nghệ thông tin            | Công nghệ thông tin:<br>- Công nghệ phần mềm<br>- Hệ thống thông tin |          |         |
|         | Quan hệ quốc tế                | Quan hệ quốc tế:<br>- Quan hệ công chúng                             |          |         |





|                   |                     |                                                                                                     |  |  |
|-------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|                   | Ngoại ngữ           | Ngôn ngữ Anh:<br>+ Biên-Phiên dịch<br>+ Hành chánh văn phòng<br>+ Su phạm<br>+ Tiếng Anh thương mại |  |  |
|                   | Quản trị kinh doanh | - Quản trị kinh doanh:<br>+ Marketing<br>+ Quản trị nhân sự<br>- Kinh doanh quốc tế                 |  |  |
|                   | Kinh tế - Tài chính | - Kế toán                                                                                           |  |  |
|                   | Luật                | Luật kinh tế                                                                                        |  |  |
| <b>Tổng cộng:</b> |                     |                                                                                                     |  |  |

Tất cả SV đều đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học theo quy định của trường (danh sách đính kèm).

Cuộc họp kết thúc lúc ... giờ ... cùng ngày ./.

**THƯ KÝ**

**TM. HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
CHỦ TỊCH**





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp đợt ... năm 20..  
cho sinh viên bậc đại học hệ chính quy

### HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Hội đồng tốt nghiệp.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận ... sinh viên tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy đợt ... năm 20... Trong đó:

\* Đại học hệ chính quy : ... SV

- Ngành Đông phương học : ...
- Ngành Quản trị khách sạn : ...
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành : ...
- Ngành Quản trị kinh doanh : ...



- Ngành Kinh doanh quốc tế : ...
- Ngành Ngôn ngữ Anh : ...
- Ngành Quan hệ quốc tế : ...
- Ngành Công nghệ thông tin : ...
- Ngành Kế toán : ...
- Ngành Luật kinh tế : ...

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- HĐT, BGH;
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Lưu: VT, P. ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**







BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY TRÌNH

### Sắp xếp thời khóa biểu

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐNT ngày 12/3/2022 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

#### I. Số hiệu quy trình: QT02/ĐNT-ĐTĐH

#### II. Lưu đồ quy trình

| Bước<br>) | Đơn vị thực hiện hoặc<br>phối hợp thực hiện                  | Quy trình                                                           | Thời hạn | Tên tài liệu/văn<br>bản và ký hiệu<br>biểu mẫu - nếu có |
|-----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------|
| 1         | Phòng Đào tạo Đại học                                        | Lập danh sách khung lớp<br>(môn học, số nhóm) dự<br>kiến            | 3 ngày   | BM01.QT02/ĐNT-<br>ĐTĐH                                  |
| 2         | Ban Giám hiệu, Phòng<br>Đào tạo Đại học, các<br>khoa đào tạo | Duyệt danh sách khung lớp<br>dự kiến                                | 1 ngày   | BM02.QT02/ĐNT-<br>ĐTĐH                                  |
| 3         | Phòng Đào tạo Đại học                                        | Thực hiện xếp khung thời<br>khóa biểu trên hệ thống<br>phần mềm PSC | 10 ngày  |                                                         |
| 4         | Các khoa đào tạo,<br>phòng Đào tạo Đại học                   | Phân công giảng viên phụ<br>trách môn học                           | 7 ngày   | BM03.QT02/ĐNT-<br>ĐTĐH                                  |
| 5         | Các khoa đào tạo,<br>phòng Đào tạo Đại học                   | Hiệu chỉnh thời khóa biểu                                           | 5 ngày   |                                                         |
| 6         | Phó hiệu trưởng phụ<br>trách đào tạo                         | Ban hành Thời khóa biểu<br>chính thức                               | 3 ngày   | BM02.QT02/ĐNT-<br>ĐTĐH                                  |

#### III. Diễn giải

##### 1. Bước 1: Lập danh sách khung lớp dự kiến

Căn cứ kế hoạch biểu đồ giảng dạy và học tập đã được Hiệu trưởng ký ban hành đầu mỗi học kỳ; Căn cứ CTĐT của khóa học, ngành học đã được Hiệu trưởng ký duyệt. Phòng Đào tạo Đại học lập danh sách khung lớp dự kiến gửi về các khoa đào tạo.

## 2. Bước 2: Duyệt danh sách khung lớp dự kiến

Trưởng khoa căn cứ vào danh sách khung lớp dự kiến của phòng Đào tạo Đại học, căn cứ số lượng sinh viên còn nợ từng môn, đề nghị điều chỉnh số lượng khung lớp cho từng môn học. Phòng Đào tạo Đại học tham mưu Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt danh sách khung lớp.

## 3. Bước 3: Thực hiện xếp khung thời khóa biểu trên hệ thống phần mềm PSC

Chuyên viên phòng Đào tạo Đại học sắp thời khóa biểu, bố trí phòng học cho từng môn (dựa vào sĩ số từng khung lớp) sao cho phù hợp.

Sau khi sắp xong khung lớp dự kiến trên hệ thống, Phòng Đào tạo đại học gửi khung lớp dự kiến đã xếp về khoa để khoa phân công giảng viên.

## 4. Bước 4: Phân công giảng viên phụ trách môn học

Trên cơ sở thời khóa biểu dự kiến, Trưởng khoa đề nghị từng tổ bộ môn phân công giảng viên phụ trách từng môn học. Trưởng khoa xem xét phê duyệt danh sách giảng viên giảng dạy và gửi dữ liệu về phòng Đào tạo Đại học.

Phòng Đào tạo đại học chuyển dữ liệu vào hệ thống phần mềm PSC.

## 5. Bước 5: Hiệu chỉnh thời khóa biểu

Chuyên viên khoa phối hợp với phòng Đào tạo Đại học điều chỉnh thời khóa biểu trong các trường hợp: trùng tên giảng viên, trùng buổi học, thay đổi buổi học. Trường hợp thay đổi buổi học có ảnh hưởng đến lịch đăng ký môn học của sinh viên, đề nghị khoa gửi công văn hủy, thay thế hoặc bổ sung giảng viên về phòng Đào tạo Đại học.

## 6. Bước 6: Ban hành thời khóa biểu chính thức

Trưởng phòng Đào tạo Đại học ký đồng ý và tham mưu Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo ký ban hành chính thức thời khóa biểu.

Chuyên viên phòng Đào tạo đại học thông báo cho khoa biết và công bố sinh viên theo dõi để đăng ký môn học.





**IV. Lưu trữ hồ sơ**

| <b>Tên hồ sơ/văn bản</b>              | <b>Thời hạn lưu trữ</b> | <b>Đơn vị lưu trữ</b> |
|---------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Biểu mẫu kế hoạch đào tạo             | 01 năm                  | Phòng ĐTĐH, Khoa      |
| Biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập | 01 năm                  | Phòng ĐTĐH, Khoa      |
| Biểu mẫu phân công giảng viên         | 01 năm                  | Khoa                  |
| Biểu mẫu thời khóa biểu               | 01 năm                  | Phòng ĐTĐH, Khoa      |
| Biểu mẫu khung lớp                    | 01 năm                  | Phòng ĐTĐH, Khoa      |

**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



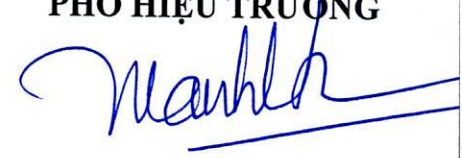
**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**



**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Mạnh Hà**





TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
(KHOA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHOA

BẠC ĐÀO TẠO: HỆ:

HỌC KỲ NĂM HỌC 20 – 20

### 1. Sinh viên năm 1 (niên khóa 20 ... - 20 ...)

| TT | Mã môn học | Tên môn học | Số TC (1) | Bắt buộc (2) | Điểm % quá trình - cuối kỳ | Hình thức thi – thời gian thi | Ghi chú (3) |
|----|------------|-------------|-----------|--------------|----------------------------|-------------------------------|-------------|
| 1. |            |             |           |              |                            |                               |             |
| 2. |            |             |           |              |                            |                               |             |

### 2. Sinh viên năm 2 (niên khóa 20 ... - 20 ...)

| TT | Mã môn học | Tên môn học | Số TC (1) | Bắt buộc (2) | Điểm % quá trình - cuối kỳ | Hình thức thi – thời gian thi | Ghi chú (3) |
|----|------------|-------------|-----------|--------------|----------------------------|-------------------------------|-------------|
| 1. |            |             |           |              |                            |                               |             |
| 2. |            |             |           |              |                            |                               |             |

### 3. Sinh viên năm 3 (niên khóa 20 ... - 20 ...)

| TT | Mã môn học | Tên môn học | Số TC (1) | Bắt buộc (2) | Điểm % quá trình - cuối kỳ | Hình thức thi – thời gian thi | Ghi chú (3) |
|----|------------|-------------|-----------|--------------|----------------------------|-------------------------------|-------------|
| 1. |            |             |           |              |                            |                               |             |
| 2. |            |             |           |              |                            |                               |             |

### 4. Sinh viên năm 4 (niên khóa 20 ... - 20 ...)

| TT | Mã môn học | Tên môn học | Số TC (1) | Bắt buộc (2) | Điểm % quá trình - cuối kỳ | Hình thức thi – thời gian thi | Ghi chú (3) |
|----|------------|-------------|-----------|--------------|----------------------------|-------------------------------|-------------|
| 1. |            |             |           |              |                            |                               |             |
| 2. |            |             |           |              |                            |                               |             |

#### Ghi chú:

- (1): Nếu môn học có thực hành thì ghi rõ số tín chỉ thực hành trong dấu ngoặc đơn. Ví dụ môn A có 3 tín chỉ, trong đó có 1 tín chỉ thực hành thì ghi là 3 (1).  
 (2): Nếu là môn bắt buộc thì đánh dấu “x”, nếu để trống là môn tự chọn.  
 (3): Ghi thêm thông tin liên quan như giảng dạy bằng tiếng Anh, chương trình tiên tiến, số buổi dạy trong 01 tuần (nếu dạy hơn 01 buổi/tuần)

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



BM02.QT02/ĐNT-ĐTĐH

**KHUNG LỚP HỌC KỲ ..... NĂM HỌC 20..... - 20.....**

| Khóa         | Khối | Mã môn | BB | Tên môn học | TC | Ngành | Số lượng SV | Khung lớp | Ghi chú |
|--------------|------|--------|----|-------------|----|-------|-------------|-----------|---------|
| Tên khoa ... |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| 2021         |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
|              |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| 2020         |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| ...          |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| Tên khoa ... |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| 2021         |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
|              |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| 2020         |      |        |    |             |    |       |             |           |         |
| ...          |      |        |    |             |    |       |             |           |         |

**PHÊ DUYỆT BAN GIÁM HIỆU**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm*  
**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp đợt ... năm 20..  
cho sinh viên bậc đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Hội đồng tốt nghiệp.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận ... sinh viên tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy đợt ... năm 20... Trong đó:

\* **Đại học hệ chính quy**

: ... SV

- Ngành Đông phương học : ...
- Ngành Quản trị khách sạn : ...
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành : ...
- Ngành Quản trị kinh doanh : ...





- Ngành Kinh doanh quốc tế : ...
- Ngành Ngôn ngữ Anh : ...
- Ngành Quan hệ quốc tế : ...
- Ngành Công nghệ thông tin : ...
- Ngành Kế toán : ...
- Ngành Luật kinh tế : ...

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trường các Khoa, Phòng chức năng và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- HĐT, BGH;
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Lưu: VT, P. ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**



**QUY TRÌNH**  
**XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
(Kèm theo Quyết định số 1.13/QĐ-ĐNT ngày 12/9/2022 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

**I. Số hiệu quy trình: QT03/ĐNT-ĐTĐH**

**II. Lưu đồ quy trình**

**II.1. Quy trình xây dựng CTĐT mới**

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện | Quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời hạn       | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu - nếu có |
|------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|
| 1    | Khoa, Phòng ĐTĐH                         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đề xuất mở ngành: sự cần thiết/ năng lực/ mục tiêu phát triển/ giải pháp và lộ trình/ xử lý rủi ro.</li><li>- Hiệu trưởng đề nghị Hội đồng KHĐT thẩm định chủ trương mở ngành</li><li>- Hiệu trưởng trình Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành</li><li>- Hội đồng trường ban ngành Nghị quyết phê duyệt chủ trương mở ngành.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                  | Khi có yêu cầu | BM01.QT03/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 2    | Phòng Đào tạo đại học                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hiệu trưởng ban hành quyết định Thành lập hội đồng xây dựng CTĐT (đề án). Yêu cầu về thành phần hội đồng :<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đại diện GV am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản/ lý đào tạo của Trường, có khả năng xây dựng và phát triển CTĐT.</li><li>+ Chuyên gia phát triển CTĐT và ĐBCL GDĐH.</li><li>+ Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan có am hiểu về năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.</li></ul></li></ul> | Trong 4 tuần   | BM02.QT03/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 3    | Hội đồng xây dựng CTĐT                   | <ul style="list-style-type: none"><li>- Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực của ngành đào tạo (căn cứ Chiến lược phát triển giáo dục quốc gia, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường).</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                |                                                   |



|   |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |        |                                                                                                        |
|---|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể.</li> <li>- Xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |        |                                                                                                        |
| 4 | Hội đồng xây dựng CTĐT           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng khung CTĐT, xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT.</li> <li>- Khảo sát ý kiến các bên liên quan về khung CTĐT.</li> <li>- Xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu và chuẩn đầu ra.</li> <li>- Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT.</li> <li>- Đối chiếu, so sánh với CTĐT của các cơ sở giáo dục trong nước và nước ngoài (ít nhất 2 CTĐT trong nước và 2 CTĐT nước ngoài đã được kiểm định).</li> </ul> | 4 tuần |                                                                                                        |
| 5 | Hội đồng xây dựng CTĐT, Khoa     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hội thảo/họp lấy ý kiến các bên liên quan : (1) GV, (2) cán bộ quản lý, (3) các nhà khoa học, (4) đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan, (5) cựu người học (nếu có) về CTĐT.</li> <li>- Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi các bên liên quan</li> </ul>                                                                                                                                               | 2 tuần | BM03.QT03/ĐNT-ĐTĐH<br>Các biên bản liên quan<br>Đề cương chi tiết học phần<br>Bản mô tả bằng tiếng Anh |
| 6 | Hội đồng thẩm định CTĐT, HĐKH-ĐT | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định Chương trình đào tạo</li> <li>- Hội đồng KH-ĐT thẩm định đề án.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2 tuần | Bản nhận xét chương trình đào tạo                                                                      |
| 7 | Hiệu trưởng                      | Phê duyệt đề án và ban hành chương trình đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 tuần | BM04.QT03/ĐNT-ĐTĐH                                                                                     |

## II.2. Quy trình cập nhật, điều chỉnh CTĐT

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện | Quy trình                                                                                                                         | Thời hạn                | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu - nếu có |
|------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------|
| 1    | Phòng ĐTĐH                               | Lập kế hoạch cập nhật, điều chỉnh CTĐT                                                                                            | Định kỳ 2 năm (tháng 5) |                                                   |
| 2    | Khoa                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT.</li> </ul> | 4 tuần                  |                                                   |



|   |                   |                                                                                                                                                                           |        |                                                                                                        |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                   | - Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (Khoản 2, điều 19, thông tư 17/2021).                                    |        |                                                                                                        |
| 3 | Khoa              | Những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và chuẩn đầu ra.<br>Chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật<br>Bản mô tả CTĐT bằng tiếng nước ngoài<br>Đề cương chi tiết |        | BM03.QT03/ĐNT-ĐTĐH<br>Các biên bản liên quan<br>Đề cương chi tiết học phần<br>Bản mô tả bằng tiếng Anh |
| 4 | Hội đồng KH và ĐT | Xem xét thông qua hoặc thẩm định CTĐT                                                                                                                                     | 2 tuần |                                                                                                        |
| 5 | Hiệu trưởng       | Ban hành Chương trình đào tạo                                                                                                                                             | 1 tuần | BM04.QT03/ĐNT-ĐTĐH                                                                                     |

### III. Lưu trữ hồ sơ

| Tên hồ sơ/văn bản        | Thời hạn lưu trữ | Đơn vị lưu trữ          |
|--------------------------|------------------|-------------------------|
| Đề án mở ngành           | 10 năm           | Phòng ĐTĐH              |
| Quyết định mở ngành      | Vĩnh viễn        | Phòng TC-HC, Phòng ĐTĐH |
| Hồ sơ điều chỉnh CTĐT    | 10 năm           | Phòng ĐTĐH              |
| Chương trình đào tạo     | 10 năm           | Phòng ĐTĐH              |
| Quyết định ban hành CTĐT | 10 năm           | Phòng TC-HC, Phòng ĐTĐH |



**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**

**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Mạnh Hà**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
(KHOA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

**ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH: TÊN NGÀNH – MÃ NGÀNH**

Kính gửi: Ban giám hiệu

Nêu sự cần thiết mở ngành đào tạo, năng lực, mục tiêu phát triển/ giải pháp và lộ trình, xử lý rủi ro.

TRƯỜNG KHOA



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: /QĐ-ĐNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Hội đồng xây dựng**  
**Chương trình đào tạo mở ngành <Tên ngành>**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị quyết số ..../NQ-HĐT ngày .... của Hội đồng trường;*

*Theo đề nghị của Trưởng khoa <Tên khoa>, Trưởng phòng Đào tạo đại học.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo mở ngành <Tên ngành> gồm các thành viên sau:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.





**Điều 2.** Nhiệm vụ của Hội đồng dựng chương trình đào tạo: xây dựng chương trình đào tạo, đề án mở ngành Luật, theo Điều 8 của Thông tư 22/2022/TT-BGDĐT và Điều 17 của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Thời gian thực hiện 60 ngày, kể từ ngày ký quyết định.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng, Trưởng Khoa <Khoa> và các Ông, Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- Vụ Giáo dục Đại học;
- Lưu: VT, P. ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## NGÀNH .....

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng ...../202...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số ..... ngày ...../...../.....  
của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình :  
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC  
Ngành đào tạo :  
Mã ngành :  
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

Đ  
GO  
T  
H  
e



## I. Mô tả chương trình đào tạo

### I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

### I.2. Thông tin chung

### I.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của trường

### I.4 Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Khoa (nếu có)

### I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

### I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

### I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

### I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

### I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

### I.10. Phương pháp đánh giá

### I.11. Hệ thống tính điểm

## II. Mô tả chương trình đào tạo

### II. 1. Cấu trúc chương trình:

### II.2. Danh sách các học phần

#### II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

##### II.2.1.1. Lý luận chính trị

##### II.2.1.2. Ngoại ngữ

##### II.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

##### II.2.1.4. Kinh tế - xã hội

##### II.2.1.5. Toán – Tin học – KHTN

#### II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

##### II.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

##### II.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành

##### II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ

##### II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp

#### II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

#### II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

#### II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

#### II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

#### II.2.7. Phương thức đánh giá học phần (cuối kỳ)

#### II.2.8. Mô tả các học phần



## I. Mô tả chương trình đào tạo

### I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

### I.2. Thông tin chung

| STT | Mục thông tin     | Nội dung                                                          |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tên chương trình  | Ngôn ngữ Anh/Công nghệ Thông tin,...                              |
| 2   | Bậc               | Đại học                                                           |
| 3   | Loại bằng         | TNĐH/Cử nhân                                                      |
| 4   | Mã ngành          |                                                                   |
| 5   | Loại hình đào tạo | Chính quy                                                         |
| 6   | Thời gian đào tạo | 3.5 năm                                                           |
| 7   | Số tín chỉ        | ??? tín chỉ (không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng) |
| 8   | Đơn vị quản lý    | Khoa Ngoại ngữ/Khoa CNTT                                          |
| 9   | Website           |                                                                   |
| 10  | Điện thoại        | (028) 38632052 (Ext. ???)                                         |
| 11  | Ngày ban hành     |                                                                   |

### I.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của trường

### I.4 Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Khoa (nếu có)

### I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

#### I.5.1. Mục tiêu chung:

#### I.5.2. Mục tiêu cụ thể:

#### Kiến thức

PO1:

PO2:

PO3:

#### Kỹ năng

PO4:

PO5:

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO6:

PO7:

#### I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1:

PLO2:

PLO3:

PLO4

PLO5

PLO6:

PLO7:

PLO8:

PLO9:

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT:

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra (PLOs) |      |      |      |      |      |      |      |      |
|----------|---------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
|          | PLO1                | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 |
| PO1      | X                   |      |      | X    | X    |      |      | X    | X    |
| PO2      |                     | X    |      |      | X    | X    | X    |      |      |
| PO3      |                     | X    |      |      |      |      |      |      | X    |
| PO4      | X                   |      |      | X    |      | X    | X    | X    |      |

I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

I.10. Phương pháp đánh giá

I.11. Hệ thống tính điểm

## II. Mô tả chương trình đào tạo

### II. 1. Cấu trúc chương trình:

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|----------------|------------|---------|
|-----|----------------|------------|---------|



|   |                        |                      | Bắt buộc | Tự chọn | Tổng cộng |  |
|---|------------------------|----------------------|----------|---------|-----------|--|
| 1 | Giáo dục đại cương     |                      |          |         |           |  |
| 2 | Giáo dục chuyên nghiệp | Cơ sở ngành          |          |         |           |  |
|   |                        | Chuyên ngành:        |          |         |           |  |
|   |                        | 1 Chuyên ngành 1     |          |         |           |  |
|   |                        | 2 Chuyên ngành 2,... |          |         |           |  |
|   |                        | Kiến thức bổ trợ     |          |         |           |  |
|   |                        | Tốt nghiệp           |          |         |           |  |

## II.2. Danh sách các học phần

### II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

#### II.2.1.1. Lý luận chính trị

| Mã học phần | Tên học phần                                                                       | Số TC | Học phần trước |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------|
| 1010443     | Triết học Mác – Lênin<br><i>Marxist-Leninist Philosophy</i>                        | 3     |                |
| 1010452     | Kinh tế chính trị Mác – Lênin<br><i>Marxist-Leninist Political Economy</i>         | 2     |                |
| 1010462     | Chủ nghĩa xã hội khoa học<br><i>Science Socialism</i>                              | 2     |                |
| 1010472     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br><i>History of the Communist Party of Vietnam</i> | 2     |                |

|         |                                                    |       |  |
|---------|----------------------------------------------------|-------|--|
| 1010092 | Tư tưởng Hồ Chí Minh<br><i>Ho Chi Minh Thought</i> | 2     |  |
|         | Tổng cộng:                                         | 11 TC |  |

## II.2.1.2. Ngoại ngữ (?? Tín chỉ):

| Số TT      | Mã học phần | Tên học phần                           | TC | HP Tiên quyết | Học phần trước |
|------------|-------------|----------------------------------------|----|---------------|----------------|
| 1          |             | Tên tiếng Việt<br><i>Tên tiếng Anh</i> |    |               |                |
| 2          |             |                                        |    |               |                |
| 3          |             |                                        |    |               |                |
| 4          |             |                                        |    |               |                |
| Tổng cộng: |             |                                        |    |               |                |

## II.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

| Số TT | Mã học phần | Tên học phần                                                                         | TC | Số tiết | Ghi chú                      |
|-------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|---------|------------------------------|
| 1     | 1010042     | Giáo dục thể chất 1<br><i>Physical Training 1</i>                                    | 2  | 60      | Không tính vào điểm tích lũy |
| 2     |             | Sinh viên chọn 1 trong các học phần:                                                 |    | 90      |                              |
|       | 1010602     | Giáo dục thể chất 2 (Thể hình-Thể Mỹ NC)<br><i>Physical Training 2 – Fitness</i>     | 3  | 90 tiết |                              |
|       | 1010612     | Giáo dục thể chất 2 (Aerobic)<br><i>Physical Training 2 - (Aerobic)</i>              | 3  | 90 tiết |                              |
|       | 1010622     | Giáo dục thể chất 2 (Vovinam)<br><i>Physical Training 2 - (Vovinam)</i>              | 3  | 90 tiết |                              |
|       | 1010632     | Giáo dục thể chất 2 (Yoga)<br><i>Physical Training 2 - (Yoga)</i>                    | 3  | 90 tiết |                              |
|       | 1010642     | Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ thể thao)<br><i>Physical Training 2 - (Dancesport)</i> | 3  | 90 tiết |                              |
|       | 1010652     | Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)<br><i>Physical Training 2 - (Swimming)</i>             | 3  | 90 tiết |                              |
| 3     | 1010034     | Giáo dục quốc phòng-An ninh                                                          | 3  | 165     |                              |

|            |    |  |  |
|------------|----|--|--|
| Tổng cộng: | 08 |  |  |
|------------|----|--|--|

#### II.2.1.4. Kinh tế - xã hội (?? Tín chỉ):

| Số TT | Mã học phần | Tên học phần                        | TC | Số tiết | Loại HP   | Học phần tiên quyết | Học phần trước | Dạy bằng NN |
|-------|-------------|-------------------------------------|----|---------|-----------|---------------------|----------------|-------------|
| 1     |             | <i>Đại cương pháp luật Việt Nam</i> | 2  |         | BB/T<br>C |                     |                |             |
| 2     |             |                                     |    |         |           |                     |                | X           |
|       |             | <b>Tổng cộng:</b>                   |    |         |           |                     |                |             |

#### II.2.1.5. Toán – Tin học – KHTN (?? Tín chỉ):

| Số TT | Mã học phần | Tên học phần      | TC | Số tiết | Loại HP   | Học phần tiên quyết | Học phần trước | Dạy bằng NN |
|-------|-------------|-------------------|----|---------|-----------|---------------------|----------------|-------------|
| 1     |             |                   | 2  |         | BB/T<br>C |                     |                |             |
| 2     |             |                   |    |         |           |                     |                | X           |
|       |             | <b>Tổng cộng:</b> |    |         |           |                     |                |             |

#### II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (?? Tín chỉ)

##### II.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành (?? Tín chỉ):

| Số TT | Mã học phần | Tên học phần | TC | Số tiết | Loại HP | Học phần tiên quyết | Học phần trước | Dạy bằng NN |
|-------|-------------|--------------|----|---------|---------|---------------------|----------------|-------------|
|-------|-------------|--------------|----|---------|---------|---------------------|----------------|-------------|



|   |  |            |   |  |           |               |  |   |
|---|--|------------|---|--|-----------|---------------|--|---|
|   |  |            |   |  |           | tiên<br>quyết |  |   |
| 1 |  |            | 2 |  | BB/T<br>C |               |  |   |
| 2 |  |            |   |  |           |               |  | X |
|   |  | Tổng cộng: |   |  |           |               |  |   |

#### II.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (?? Tín chỉ):

| Số TT           | Mã học<br>phần | Tên học phần | TC | Số tiết | Loại<br>HP | Học<br>phần<br>tiên<br>quyết | Học<br>phần<br>trước | Dạy<br>bằng<br>NN |
|-----------------|----------------|--------------|----|---------|------------|------------------------------|----------------------|-------------------|
| Chuyên ngành 1  |                |              |    |         |            |                              |                      |                   |
| 1               |                |              |    |         | TC/BB      |                              |                      |                   |
| 2               |                |              |    |         |            |                              |                      |                   |
|                 |                | Tổng cộng:   | ?? |         |            |                              |                      |                   |
| Chuyên ngành 1: |                |              |    |         |            |                              |                      |                   |
|                 |                |              |    |         |            |                              |                      |                   |
|                 |                | Tổng cộng:   |    |         |            |                              |                      |                   |

#### II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ (?? Tín chỉ):

| Số<br>TT | Mã học<br>phần | Tên học phần | TC | Số tiết | Loại<br>HP | Học<br>phần<br>tiên<br>quyết | Học<br>phần<br>trước | Dạy<br>bằng<br>NN |
|----------|----------------|--------------|----|---------|------------|------------------------------|----------------------|-------------------|
|----------|----------------|--------------|----|---------|------------|------------------------------|----------------------|-------------------|

|   |  |                              |   |  |           |  |  |   |
|---|--|------------------------------|---|--|-----------|--|--|---|
| 1 |  | Đại cương pháp luật Việt Nam | 2 |  | BB/T<br>C |  |  |   |
| 2 |  |                              |   |  |           |  |  | X |
|   |  | Tổng cộng:                   |   |  |           |  |  |   |

II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp:

### II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

#### Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Thấp”

Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CĐR của CTĐT

| STT                         | Mã HP | Tên học phần | Đáp ứng chuẩn đầu ra |      |      |      |      |      |     |
|-----------------------------|-------|--------------|----------------------|------|------|------|------|------|-----|
|                             |       |              | PLO1                 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | ... |
| I. Học phần đại cương:      |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| 1                           |       |              | H                    |      | L    |      | M    |      |     |
| 2                           |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| 3                           |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| II. Học phần cơ sở ngành    |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| 4                           |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| 5                           |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| III. Học phần chuyên ngành: |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| Chuyên ngành 1:             |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
|                             |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
|                             |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| Chuyên ngành 2:             |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
|                             |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
|                             |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |
| IV. Kiến thức bổ trợ        |       |              |                      |      |      |      |      |      |     |



|                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| V. Kiến thức tốt nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

| Năm | Học kỳ | Mã HP | Tên học phần | Số TC | LT | BT | TH | Tổng cộng |
|-----|--------|-------|--------------|-------|----|----|----|-----------|
| I   | 1      |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     | 2      |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |
|     |        |       |              |       |    |    |    |           |



II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

| STT | Mã HP | Tên HP | Tên giảng viên | Ghi chú |
|-----|-------|--------|----------------|---------|
| 1   |       |        |                |         |
| 2   |       |        |                |         |



|   |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|
| 3 |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |

#### II.2.7. Phương thức đánh giá học phần (cuối kỳ)

| STT | Mã HP   | Tên HP               | Hình thức đánh giá   | Ghi chú                |
|-----|---------|----------------------|----------------------|------------------------|
| 1   | 2310272 | Xã hội học pháp luật | Thi tự luận, 90 phút | Không sử dụng tài liệu |
| 2   |         |                      |                      |                        |
| 3   |         |                      |                      |                        |
|     |         |                      |                      |                        |
|     |         |                      |                      |                        |

#### II.2.8. Mô tả các học phần:





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy  
< Tên ngành > (áp dụng từ khóa 20.. trở đi)

### HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm quyết định số 476/QĐ-ĐNT ngày 30/12/2021 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Biên bản Thẩm định chương trình đào tạo <Tên ngành> ...;

Xét đề nghị của Trưởng khoa <Tên Khoa>, của Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo đại học hệ chính quy <Tên ngành> của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh (áp dụng từ khóa 20... trở đi).

**Điều 2.** Trưởng khoa <Tên Khoa>, Trưởng phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị có liên quan trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐT, BGH;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY TRÌNH XỬ LÝ HỌC VỤ

(Kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-ĐNT ngày 12/2/2022 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Số hiệu quy trình: QT04/ĐNT-ĐTĐH

II. Lưu đồ quy trình

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện       | Quy trình                                                             | Thời hạn                                  | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu - nếu có |
|------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1    | Phòng Đào tạo Đại học                          | Lập danh sách SV thuộc diện xử lý học vụ (cảnh cáo, buộc thôi học)    | Tuần thứ 4 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ | BM01.QT04/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 2    | Phòng Đào tạo Đại học, Các khoa                | Xem xét danh sách đề nghị xử lý học vụ                                | Tuần thứ 4 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ |                                                   |
| 3    | Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học, Các khoa | Họp về việc xử lý học vụ                                              | Tuần thứ 6 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ | BM02.QT04/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 4    | Phòng Đào tạo Đại học, Các khoa                | Thông báo các Phòng ban liên quan danh sách sinh viên bị xử lý học vụ | Tuần thứ 5 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ |                                                   |
| 5    | Phòng Đào tạo Đại học, các Khoa                | Niêm yết danh sách xử lý học vụ                                       | Tuần thứ 5 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ |                                                   |
| 6    | Phó/Trưởng Phòng Đào tạo Đại học               | Tiếp nhận, giải quyết các khiếu kiện của sinh viên (nếu có)           | Tuần thứ 6 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ |                                                   |



|   |                       |                                  |                                           |  |
|---|-----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|--|
| 7 | Phòng Đào tạo Đại học | Tham mưu quyết định xử lý học vụ | Tuần thứ 7 sau khi kết thúc kỳ thi học kỳ |  |
|---|-----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|--|

### III. Diễn giải

#### 1. Bước 1

-Hoàn tất nhập điểm học kỳ, cộng điểm tất cả

-Xử lý dữ liệu học phí

-Lập danh sách SV thuộc diện:

- Cảnh báo: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 theo thang điểm 4 (hay < 2.0 theo thang điểm 10) đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 (hay < 3.0 theo thang điểm 10) đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 (hay < 4.0 theo thang điểm 10) đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 (hay < 5.0 theo thang điểm 10) đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa; không đăng ký học tập học kỳ.

- Buộc thôi học: Không đóng học phí học kỳ, có điểm trung bình chung học kỳ bằng 0.0; đã bị cảnh báo học tập quá 2 lần liên tiếp; đã hết thời gian tối đa được phép học; bị kỷ luật lần thứ hai do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên; vượt quá thời hạn tối đa được phép học tại Trường.

#### 2. Bước 2

Kiểm tra cụ thể tình hình học tập của sinh viên trong danh sách

#### 3. Bước 3

Trưởng Phòng Đào tạo Đại học giải trình danh sách với Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đại học

#### 4. Bước 4

Gửi email cho Trưởng các Khoa, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Thư viện để các nơi này tham gia kiểm tra theo chức năng

#### 5. Bước 5

Công bố danh sách SV: Các Khoa , Tại website trường



## 6. Bước 6

Tiếp nhận, giải quyết các khiếu kiện của sinh viên (nếu có).

Phó Trưởng Phòng hiệu chỉnh, lập danh sách chính thức, báo cáo Trưởng Phòng.

## 7. Bước 7

Trưởng Phòng Đào tạo Đại học căn cứ vào danh sách xử lý học vụ, phân công chuyên thư ký làm quyết định, ký tắt, trình Ban Giám hiệu ký quyết định thi hành.

## IV. Lưu trữ hồ sơ

| Tên hồ sơ/văn bản            | Thời hạn lưu trữ | Đơn vị lưu trữ        |
|------------------------------|------------------|-----------------------|
| Quyết định xử lý học vụ      | 1 năm            | Phòng Đào tạo Đại học |
| Danh sách SV bị xử lý học vụ | 1 năm            | Phòng Đào tạo Đại học |

**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**



**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Mạnh Hà**





TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BM01.QT04/ĐNT-ĐTĐH

**DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ ... NĂM HỌC....**

(Đính kèm Quyết định số :

ngày

)

**1/ Không đóng học phí**

| STT | Mã SV | Họ | Tên | Ngày sinh | Tên lớp | Khóa học | Khoa | Nợ Học phí HK | Nợ cũ | Tổng cộng nợ |
|-----|-------|----|-----|-----------|---------|----------|------|---------------|-------|--------------|
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |       |              |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |       |              |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |       |              |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |       |              |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |       |              |

**2/ Không đăng ký môn học**

| STT | Mã SV | Họ | Tên | Ngày sinh | Tên lớp | Khóa học | Khoa | Ghi chú |
|-----|-------|----|-----|-----------|---------|----------|------|---------|
|     |       |    |     |           |         |          |      |         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |         |

**3/ Điểm trung bình tích lũy < 4**

| STT | Mã SV | Họ | Tên | Ngày sinh | Tên lớp | Khóa học | Khoa | Điểm TB tích lũy học kỳ |
|-----|-------|----|-----|-----------|---------|----------|------|-------------------------|
|     |       |    |     |           |         |          |      |                         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |                         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |                         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |                         |
|     |       |    |     |           |         |          |      |                         |

**4/ Vượt quá thời gian tối đa học**

| STT | Mã SV | Họ | Tên | Ngày sinh | Tên lớp | Khóa học | Khoa | Thời gian học |
|-----|-------|----|-----|-----------|---------|----------|------|---------------|
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |
|     |       |    |     |           |         |          |      |               |

Trưởng Phòng Đào tạo Đại học





BM02.QT04/ĐNT-ĐTĐH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày    tháng    năm

## BIÊN BẢN

Hợp xử lý học vụ sinh viên học kỳ .... năm học ....

Thời gian:

Địa điểm:

Chủ trì:

Thành phần:

Thư ký:

### Nội dung cuộc họp:

Xử lý học vụ sinh viên cảnh cáo, buộc thôi học

Cuộc họp kết thúc lúc ... giờ ... cùng ngày ./.

THƯ KÝ

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH**  
**LẬP KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP NĂM HỌC**  
(Kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-ĐNT ngày 12.12.2022 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

**I. Số hiệu quy trình: QT05/ĐNT-ĐTĐH**

**II. Lưu đồ quy trình**

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện       | Quy trình                                                    | Thời hạn            | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu - nếu có |
|------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1    | Phòng Đào tạo Đại học                          | Lập kế hoạch giảng dạy và học tập năm học (dự thảo lần 1)    | Tháng 5 hằng năm    | Biểu đồ Kế hoạch giảng dạy và học tập             |
| 2    | Phòng Đào tạo Đại học, các đơn vị trong trường | Lấy ý kiến các đơn vị                                        | Trước 15/6 hằng năm | Văn bản góp ý / Email góp ý                       |
| 3    | Phòng Đào tạo Đại học                          | Tổng hợp ý kiến đóng góp                                     | Trước 30/6 hằng năm | Tờ trình                                          |
| 4    | Phòng Đào tạo Đại học                          | Lập kế hoạch giảng dạy và học tập năm học (dự thảo lần 2)    | Tháng 7 hằng năm    | Biểu đồ Kế hoạch giảng dạy và học tập             |
| 5    | Ban Giám hiệu                                  | Ký ban hành chính thức Kế hoạch giảng dạy và học tập năm học | Trước 31/7 hằng năm | Biểu đồ Kế hoạch giảng dạy và học tập             |

**III. Diễn giải**

1. Bước 1: Lập kế hoạch giảng dạy và học tập năm học (dự thảo lần 1)

Căn cứ chương trình đào tạo các khóa, ngành học đã được Hiệu trưởng phê duyệt, xác định số tuần thực học và số tuần thi.

Xem xét các quy định của Trường liên quan đến các ngày nghỉ Lễ trong năm, xác định số tuần dự trữ cho phù hợp trước khi lập kế hoạch giảng dạy.

Từ đó tổng hợp, lập kế hoạch giảng dạy và học tập (dự thảo lần 1) theo biểu mẫu cho các các khoa, khóa. Trong kế hoạch bao gồm các nội dung: tiến độ giảng dạy và học tập, thời gian xử lý học vụ, xét và công nhận tốt nghiệp, thời gian thực học, thời gian dự



trữ và thời gian thi cho mỗi khóa, thời gian thực tập, học quân sự và thời gian nghỉ chung toàn trường.

## 2. Bước 2: Lấy ý kiến các đơn vị

Gửi bản dự thảo lần 1 đến tất cả các đơn vị trong trường để lấy ý kiến đóng góp (qua email trường hoặc hệ thống quản lý văn bản của trường). Trong đó, đề nghị các ý kiến đóng góp cần cụ thể, liên quan trực tiếp như thời gian bắt đầu học kỳ, thời gian dự trữ, thời gian đi thực tập của sinh viên, thời gian bắt đầu thi. Chú ý xem xét các đặc thù riêng từng ngành, khóa như thời gian thực tập thực tế, cách bố trí môn học của đơn vị (nếu có).

## 3. Bước 3: Tổng hợp ý kiến đóng góp

Phòng Đào tạo Đại học tổng hợp tất cả các ý kiến các đơn vị, làm tờ trình hiệu chỉnh kế hoạch, trên tinh thần thống nhất các điểm chung của các đơn vị, trình Hiệu trưởng các phương án (ít nhất có 02 phương án thực hiện).

## 4. Bước 4: Lập kế hoạch giảng dạy và học tập năm học (dự thảo lần 2)

Hiệu trưởng xem xét phương án hiệu chỉnh và cho ý kiến hiệu chỉnh lần cuối trước khi ban hành, phòng Đào tạo Đại học chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp, chỉ đạo của Hiệu trưởng.

## 5. Bước 5: Ký ban hành chính thức Kế hoạch giảng dạy và học tập năm học

Ký ban hành kế hoạch giảng dạy và học tập năm học.

Phòng Đào tạo Đại học nhân bản kế hoạch này gửi tất cả các đơn vị và thực hiện.

## IV. Lưu trữ hồ sơ

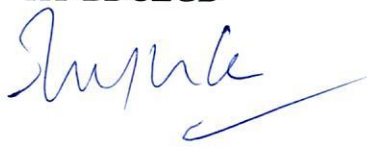
| Tên hồ sơ/văn bản | Thời hạn lưu trữ | Đơn vị lưu trữ        |
|-------------------|------------------|-----------------------|
| BM01              | 04 năm học       | Phòng Đào tạo Đại học |
| Văn bản góp ý     | 01 năm học       | Phòng Đào tạo Đại học |
| Tờ trình          | 01 năm học       | Phòng Đào tạo Đại học |

**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**



**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Mạnh Hà**







**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:  
Về việc tổng hợp ý kiến góp ý thời gian biểu học  
tập và biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập  
năm học 20...-20...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

**Kính gửi: Thầy Hiệu trưởng**

Nhằm chuẩn bị năm học 20... – 20..., phòng Đào tạo Đại học đã xây dựng biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập năm 20... – 20... bản dự thảo ngày 07/6/2022, qua góp ý các đơn vị (gửi qua email, hạn góp ý hết ngày 10/6/2022), phòng Đào tạo Đại học tổng hợp ý kiến các đơn vị, đồng thời đề nghị phương án cụ thể và có hội ý cùng phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục (sau gọi tắt là phòng Khảo thí) về công tác tổ chức thi như sau:

**1. Ý kiến các đơn vị:**

| TT  | Đơn vị | Ý kiến đề nghị |
|-----|--------|----------------|
| 1   |        |                |
| 2   |        |                |
| 3   |        |                |
| ... |        |                |

**2. Phương án đề nghị:**

**3. Ý kiến cuộc họp hội ý giữa phòng Đào tạo Đại học và phòng Khảo thí**

Trên đây là tổng hợp ý kiến các đơn vị liên quan đến kế hoạch giảng dạy, học tập, tổ chức thi trong năm học 20... – 20..., kính trình Thầy Hiệu trưởng cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

Trân trọng.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**Ý KIẾN CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO**

**Ý KIẾN CỦA HIỆU TRƯỞNG**



**Năm học 2021 - 2022**

**Ghi chú:** \* D : Tuần dự trữ                      \* T : Thi học kỳ                      \* QS : GDQP-AN  
                    \* H1 : Học kỳ 1                      \* H2 : Học kỳ 2                      \* H3 : Học kỳ 3

**HIỆU TRƯỞNG**

**Các ngày lễ trong năm (sẽ có thông báo chi tiết theo kế hoạch chung của Trường):**

- \* Tết Dương lịch 2022 (Thứ Bảy, ngày 01/01/2022)
- \* Giỗ tổ Hùng Vương 10/03 Âm lịch (Chủ nhật ngày 10/04/2022)
- \* Ngày Lễ 30/4 và Q/tết Lao động 01/5 (Thứ Bảy ngày 30/4/2022, Chủ nhật ngày 01/5/2022)

\* Lịch sinh hoạt đầu năm SV năm 2, 3, 4 do P. CT-CTSV sắp xếp.

\* Lịch học GDQP-AN khóa 2020 chưa đưa vào biểu đồ, khóa 2021 có thể thay đổi

\* Các đơn vị căn cứ vào kế hoạch thực hiện đúng tiến độ thời gian. Mọi thay đổi cần có ý kiến của Hiệu trưởng.





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH**  
**HIỆU CHỈNH ĐIỂM**

*(Kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-ĐNT ngày 12.1.2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)*

**I. Số hiệu quy trình: QT06/ĐNT-ĐTĐH**

**II. Lưu đồ quy trình**

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện | Quy trình                               | Thời hạn                                               | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu |
|------|------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1    | Giảng viên                               | Đề nghị hiệu chỉnh điểm                 | Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố điểm trên portal | BM01.QT06/ĐNT-ĐTĐH                       |
| 2    | Trợ lý giáo vụ Khoa                      | Kiểm tra                                | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ GV   |                                          |
| 3    | Trưởng Khoa                              | Ký xác nhận                             | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ GV   |                                          |
| 4    | Trợ lý giáo vụ Khoa                      | Gửi phiếu hiệu chỉnh điểm về Phòng ĐTĐH | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ GV   |                                          |
| 5    | CV quản lý điểm phòng ĐTĐH               | Kiểm tra                                | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ Khoa |                                          |
| 6    | Trưởng phòng ĐTĐH                        | Ký xác nhận                             | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ Khoa |                                          |



|   |                            |                                         |                                                        |  |
|---|----------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
| 7 | CV quản lý điểm phòng ĐTDH | Hiệu chỉnh điểm                         | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ Khoa |  |
| 8 | CV quản lý điểm phòng ĐTDH | Lưu trữ và cập nhật điểm đề SV theo dõi | Trong vòng 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị từ Khoa |  |

### III. Diễn giải

1. Bước 1: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố điểm trên portal, Giảng viên khi có yêu cầu hiệu chỉnh điểm (do nhập sót điểm, nhập sai điểm, phúc khảo) sẽ điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đề nghị hiệu chỉnh điểm thi kèm minh chứng và gửi về Trợ lý giáo vụ Khoa.
2. Bước 2: Trợ lý giáo vụ Khoa kiểm tra, đối chiếu thông tin với bài thi, bảng tô điểm theo đúng danh sách từng lớp học phần của giảng viên phụ trách môn học.
3. Bước 3: Trợ lý giáo vụ Khoa sau khi kiểm tra, đối chiếu thông tin sẽ trình Trưởng Khoa ký tên xác nhận trên Phiếu hiệu chỉnh điểm thi.
4. Bước 4: Trợ lý giáo vụ Khoa gửi Phiếu hiệu chỉnh điểm thi về Phòng ĐTDH cho Chuyên viên quản lý điểm của Phòng ĐTDH.
5. Bước 5: Chuyên viên quản lý điểm của Phòng ĐTDH kiểm tra thông tin, minh chứng đính kèm và chữ ký xác nhận của Trưởng Khoa trên Phiếu hiệu chỉnh điểm thi.
6. Bước 6: Chuyên viên quản lý điểm của Phòng ĐTDH trình Trưởng Phòng ĐTDH ký tên xác nhận trên Phiếu hiệu chỉnh điểm thi.
7. Bước 7: Chuyên viên quản lý điểm của Phòng ĐTDH thực hiện việc hiệu chỉnh điểm trên hệ thống.
8. Bước 8: Chuyên viên quản lý điểm của Phòng ĐTDH lưu trữ biên bản và cập nhật điểm trên portal để sinh viên theo dõi.



## IV. Lưu trữ hồ sơ

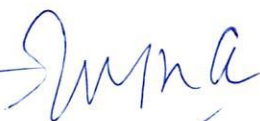
| Tên hồ sơ/văn bản         | Thời hạn lưu trữ | Đơn vị lưu trữ |
|---------------------------|------------------|----------------|
| Phiếu hiệu chỉnh điểm thi | 06 năm           | Phòng ĐTDH     |
|                           |                  |                |
|                           |                  |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**



**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Mạnh Hà**





BM01.QT06/ĐNT-ĐTĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## PHIẾU ĐỀ NGHỊ HIỆU CHỈNH ĐIỂM THI

Kính gửi: **Phòng Đào tạo Đại học**  
**Ban chủ nhiệm Khoa...**

Tôi tên: (GV1).....

Tôi tên: (GV2 – nếu có).....

Giảng viên Khoa: .....

Phụ trách giảng dạy môn: .....

Mã lớp học phần: .....

Học kỳ: ....., năm học: .....

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tôi đề nghị hiệu chỉnh điểm thi các trường hợp như sau:

☐ Thi giữa kỳ

☐ Thi cuối kỳ

| STT | MSSV | Họ tên sinh viên | Điểm cũ | Điểm mới | Lý do hiệu chỉnh<br>(yêu cầu ghi cụ thể, rõ ràng và kèm theo minh chứng) |
|-----|------|------------------|---------|----------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1   |      |                  |         |          |                                                                          |
| 2   |      |                  |         |          |                                                                          |
| 3   |      |                  |         |          |                                                                          |
| ... |      |                  |         |          |                                                                          |

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về điểm số mà tôi đề nghị hiệu chỉnh.

Trân trọng.

**GIẢNG VIÊN 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**BAN CHỦ NHIỆM KHOA**

**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### QUY TRÌNH

#### Giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-ĐNT ngày 11/01/2023 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

#### I. Số hiệu quy trình: QT07/ĐNT-ĐTĐH

#### II. Lưu đồ quy trình

| Bước | Đơn vị thực hiện hoặc phối hợp thực hiện | Quy trình                                                           | Thời hạn | Tên tài liệu/văn bản và ký hiệu biểu mẫu - nếu có |
|------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------|
| 1    | Khoa                                     | Lập danh sách số lượng sinh viên tốt nghiệp của từng khóa (dự kiến) | 3 ngày   | BM01.QT07/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 2    | Phòng Đào tạo Đại học                    | Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp của năm học                  | 3 ngày   | BM02.QT07/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 3    | Khoa                                     | Tính thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng khóa                 | 7 ngày   |                                                   |
| 4    | Khoa                                     | Tổng hợp, so sánh, đánh giá số liệu                                 | 7 ngày   | BM03.QT07/ĐNT-ĐTĐH                                |
| 5    | Phòng Đào tạo Đại học                    | Tổng hợp số liệu các khoa, trình BGH ký, công khai trên website     | 7 ngày   |                                                   |

#### III. Diễn giải

1. Bước 1: Lập danh sách số lượng sinh viên tốt nghiệp của từng khóa dự kiến (Tháng 02 hàng năm)

Vào đầu năm học các khoa xuất dữ liệu từ hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo để thống kê số tín chỉ đã tích lũy của sinh viên, dự kiến số lượng sinh viên tốt nghiệp theo từng ngành từng khóa học và gửi về Phòng Đào tạo Đại học.

2. Bước 2: Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp của năm học (Tháng 12 hàng năm)

Căn cứ vào các quyết định công nhận tốt nghiệp, Phòng Đào tạo Đại học thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp của năm học theo loại hình đào tạo, theo ngành, theo khóa học và gửi về các khoa.

3. Bước 3: Tính thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng khóa (Tháng 01 hàng năm)

Các khoa tính thời gian tốt nghiệp trung bình (TGTNTB) theo từng ngành, từng khóa học theo công thức:

$$TGTNTB = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

Trong đó:

- $n$  là số lượng sinh viên đã tốt nghiệp của 1 khóa cần thống kê
- $x_i$  là số năm tốt nghiệp của sinh viên thứ  $i$

4. Bước 4: Tổng hợp, so sánh, đánh giá số liệu (Tháng 01 hàng năm)

Các khoa tổng hợp, so sánh, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình ở bước 3, phân tích nguyên nhân sinh viên chậm tốt nghiệp của từng khóa học. Lập biên bản họp rút kinh nghiệm và có các giải pháp phù hợp cho các khóa sau.

Các khoa gửi các báo cáo trên về Phòng Đào tạo Đại học.

5. Bước 5: Tổng hợp số liệu các khoa, trình BGH ký, công khai trên website (Tháng 02 hàng năm)

Phòng Đào tạo Đại học tổng hợp dữ liệu từ khoa, trình Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo ký ban hành.

Phòng Đào tạo Đại học công khai thời gian tốt nghiệp trung bình theo ngành học trên website của trường.

#### IV. Lưu trữ hồ sơ

| Tên hồ sơ/văn bản                                         | Thời hạn lưu trữ | Đơn vị lưu trữ |
|-----------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| Biểu mẫu báo cáo số lượng dự kiến tốt nghiệp              | 04 năm           | Khoa           |
| Biểu mẫu phân tích TG tốt nghiệp trung bình của sinh viên | 04 năm           | Khoa           |



|                                       |        |                       |
|---------------------------------------|--------|-----------------------|
| Biểu mẫu thống kê số lượng tốt nghiệp | 04 năm | Phòng Đào tạo Đại học |
|---------------------------------------|--------|-----------------------|

**TRƯỞNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



**Nguyễn Phước Đại**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KT-BĐCLGD**



**Lê Thị Tuyết Anh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Mạnh Hà**







TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA: .....

BM01.QT07/ĐNT-ĐTĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG SINH VIÊN DỰ KIẾN TỐT NGHIỆP**  
**NĂM HỌC ..... - .....**

| Stt      | Ngành/ khóa        | Hình thức đào tạo        | Số lượng SV còn học | Số lượng SV dự kiến tốt nghiệp | Ghi chú |
|----------|--------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Ngành:.....</b> |                          |                     |                                |         |
| 1.1      | ĐH khóa 2018-2022  | Chính quy                |                     |                                |         |
| 1...     | ...                | Chính quy                |                     |                                |         |
|          |                    | <b>Tổng ĐH chính quy</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>                       |         |
| <b>2</b> | <b>Ngành:.....</b> |                          |                     |                                |         |
| 2.1      | ĐH khóa 2018-2022  | Chính quy                |                     |                                |         |
| 2...     | ...                | Chính quy                |                     |                                |         |
|          |                    | <b>Tổng ĐH chính quy</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>                       |         |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỜNG KHOA**



BM02.QT07/ĐNT-ĐTĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHÂN TÍCH THỜI GIAN TỐT NGHIỆP TRUNG BÌNH CỦA SINH VIÊN**  
**NĂM HỌC ..... - .....**

| Stt  | Ngành/ khóa       | Hình thức đào tạo        | Tổng số lượng SV còn học | Số SV đã tốt nghiệp | Số lượng SV dự kiến tốt nghiệp | Số lượng SV tốt nghiệp thực tế | Thời gian tốt nghiệp trung bình | Chênh lệch số lượng SV tốt nghiệp dự kiến và thực tế | Nguyên nhân | Kiến nghị | Ghi chú |
|------|-------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------|-------------|-----------|---------|
| 1    | Ngành:.....       |                          |                          |                     |                                |                                |                                 |                                                      |             |           |         |
| 1.1  | ĐH khóa 2018-2022 | Chính quy                |                          |                     |                                |                                |                                 |                                                      |             |           |         |
| 1... | ...               | Chính quy                |                          |                     |                                |                                |                                 |                                                      |             |           |         |
|      |                   | <b>Tổng ĐH chính quy</b> | <b>0</b>                 |                     | <b>0</b>                       | <b>0</b>                       |                                 | <b>0</b>                                             |             |           |         |
| 2    | Ngành:.....       |                          |                          |                     |                                |                                |                                 |                                                      |             |           |         |
| 2.1  | ĐH khóa 2018-2022 | Chính quy                |                          |                     |                                |                                |                                 |                                                      |             |           |         |
| 2... | ...               | Chính quy                |                          |                     |                                |                                |                                 |                                                      |             |           |         |
|      |                   | <b>Tổng ĐH chính quy</b> | <b>0</b>                 |                     | <b>0</b>                       | <b>0</b>                       |                                 | <b>0</b>                                             |             |           |         |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



BM03.QT07/ĐNT-ĐTĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**  
**NĂM HỌC ..... - .....**

| Stt      | Ngành/ khóa        | Hình thức đào tạo        | Mã ngành | Thời gian đào tạo | Số lượng SV tốt nghiệp | Ghi chú |
|----------|--------------------|--------------------------|----------|-------------------|------------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Ngành:.....</b> |                          |          |                   |                        |         |
| 1.1      | ĐH khóa 2018-2022  | Chính quy                |          |                   |                        |         |
| 1...     | ...                | Chính quy                |          |                   |                        |         |
|          |                    | <b>Tổng ĐH chính quy</b> | <b>0</b> |                   | <b>0</b>               |         |
| <b>2</b> | <b>Ngành:.....</b> |                          |          |                   |                        |         |
| 2.1      | ĐH khóa 2018-2022  | Chính quy                |          |                   |                        |         |
| 2...     | ...                | Chính quy                |          |                   |                        |         |
|          |                    | <b>Tổng ĐH chính quy</b> | <b>0</b> |                   | <b>0</b>               |         |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG**